

Bản án số: **161/2017/HC-PT**

Ngày: 20/9/2017

V/v Khiếu kiện: Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 160/2017/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2017 về “Khiếu Khiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXXPT-HC ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Nhà số 305, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Ngô Hoàng N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Công V, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

theo Giấy ủy quyền số 13/GUQ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1946.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thuý H2, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Nhà số 305, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Thửa đất ông Nguyễn Văn H đang khiếu nại, yêu cầu xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất có nguồn gốc là ông H mua đất vườn của bà Lê Thị Có vào ngày 09/9/1987 và xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Q, tỉnh Bình Định có Quyết định số 271/QĐ-UB ngày 09/12/1989 về việc công nhận Cơ sở Thành Lợi.

Năm 1998, khi thực hiện dự án mở đường Q - S, Nhà nước đã thu hồi thửa đất nói trên diện tích 450,24m² nhưng ông H chỉ mới nhận tiền đền bù diện tích 100 m² đất ở diện tích còn lại ông H chưa nhận đền bù. Năm 2001, Nhà nước tiến hành cưỡng chế, tháo dỡ công trình xâm phạm thêm diện tích đất của ông H là 59,2m², gây thiệt hại tài sản trên đất là 174.000.000 đồng; nên ông H yêu cầu bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi chưa bồi thường cho ông H và 01 giếng khoan loại máy khoan đập xoay tự vận hành, động cơ diesel, đường kính 245mm, sâu 45m, cấu trúc giếng ống thép, đường kính 219 mm, dày 7mm chưa đền bù từ năm 1998.

Năm 2015, khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc thu hồi 357,5m² đất và bồi thường theo giá đất nông nghiệp; phần diện tích bị thu hồi nói trên được ông H sử dụng làm cơ sở kinh doanh ngành nghề dịch vụ khai thác nước ngầm, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và sửa chữa các loại bơm chuyên dụng (là đất thương mại, dịch vụ). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc UBND thành phố Q bồi thường theo giá đất nông nghiệp đối với diện tích bị thu hồi và không cấp đất tái định cư có mặt tiền 33.8 m để ông ổn định kinh doanh là không phù hợp. Ngày 19/4/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết

định số 2268/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q.

Không đồng ý việc thu hồi đất theo các Quyết định nói trên, ông H đã thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Ngày 05/4/2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H có nội dung không công nhận khiếu nại về việc bồi thường diện tích đất thu hồi theo đất thương mại, dịch vụ và không cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m chiều ngang cho ông H.

Các Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q; Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Do đó, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q và Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Q.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các Quyết định hành chính bị kiện, ông Nguyễn Văn H còn cung cấp cho Tòa một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông H không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

** Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện, ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:*

Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn H là do bà Lê Thị C cho mảnh vườn trồng hoa màu vào ngày 16/11/1987 và được Ủy ban nhân dân phường Q1, thành phố Q, tỉnh Bình Định xác nhận. Tháng 11/1987, ông H xây dựng nhà ở phía sau thửa đất nói trên và ngày 14/3/1994, vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 đã được cấp Sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà vào sổ cấp giấy số 5717/CNSH với diện tích đất ở 140 m². Theo bản đồ năm 1998 (dự án đường Q - S) là thửa đất số 30, tờ bản đồ 12, diện tích 1.001,8 m², theo bản đồ địa chính lập năm 2000 là thửa đất số 60, tờ bản đồ 32, diện tích 819,8 m²; theo bản đồ đo đạc hiện trạng thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D là thửa đất số 60, tờ bản đồ 32, diện tích 795,8 m² thuộc phường Q1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Năm 1998, khi Nhà nước mở đường Q - S hộ ông Nguyễn Văn H bị ảnh hưởng 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Hộ ông H bị ảnh hưởng 238,39 m², chủ hộ (ông H) đã nhận tiền đền bù là 238,39 m² (100m² đất ở và 138,39 m² đất vườn) nhưng không giao trả mặt bằng đúng chỉ giới quy định.

Giai đoạn 2: Hộ ông H bị ảnh hưởng 359,2 m² nhưng diện tích đất hợp

pháp đủ điều kiện đền bù là 309,21 m² (lấy tổng diện tích đất được UBND phường Q1 xác nhận mặt bằng Cơ sở xây dựng ngày 16/11/1987 là 891 m² trừ diện tích đất nằm ngoài chỉ giới còn lại hộ sử dụng là 343,4 m²). Diện tích thu hồi giai đoạn 2 đền bù theo đất vườn vì giai đoạn 1 đã đền bù hết hạng mức đất ở. Ông H khiếu nại đòi tiền đền bù diện tích đất thu hồi giai đoạn 2 theo đất ở chứ không phải theo hạng mức đất vườn. Do đó, giai đoạn 2 hộ ông H chưa nhận tiền đền bù và Nhà nước cũng chưa giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 đối với hộ ông. Theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định, Đoàn công tác đã thực hiện việc tháo dỡ đúng chỉ giới giai đoạn 1 chứ không phải giai đoạn 2 và không gây thiệt hại tài sản như ông H trình bày.

Năm 2015, khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định; ngày 28/10/2015, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định-số 7583/QĐ- UBND nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Thu hồi 357,5 m²: đất ở (106,4 m²) đất nông nghiệp (251,1 m²) tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 32 thuộc phường Q1, thành phố Q của hộ ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: số 255 đường T, phường Q1, thành phố Q.

Lý do thu hồi: Để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định.

Không đồng ý với việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất; ông Nguyễn Văn H đã thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Q; cụ thể như sau:

Năm 1998, mở đường Q - S, Nhà nước đã thu hồi diện tích 507m² (15m x 33,8m) nhưng chỉ mới nhận đền bù diện tích 274,4 m²; diện tích 232,6 m² (507 m² - 274,4 m²) chưa đền bù. Đồng thời, khi thi công đường năm 2001 Nhà nước đã cưỡng chế tháo dỡ công trình xâm phạm vào đất của ông thêm diện tích 59,2 m², gây thiệt hại tài sản trên đất là 174.000.000 đồng. Do đó ông H yêu cầu tiếp tục bồi thường diện tích chưa bồi thường khi thực hiện mở đường năm 1998 là 291,8 m² (232,6 m² + 59,2 m²) và 01 giếng khoan loại máy khoan đập xoay tự hành động cơ diesel có đường kính khoan 245 mm, sâu 45 m, cấu trúc giếng ống thép đường kính 219 mm, dày 7 mm chưa đền bù năm 1998.

Ông H yêu cầu bồi thường đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và yêu cầu đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8m chiều ngang để ổn định ngành nghề.

Ngày 05/4/2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1894/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận các yêu cầu giải quyết khiếu nại nói trên của ông H dựa trên các căn cứ sau:

Trong dự án đường Q – S năm 1998, hộ ông H có đất bị ảnh hưởng 02 giai đoạn, Giai đoạn 1 ông H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không giao trả

mặt bằng đúng chỉ giới. Giai đoạn 2 ông H chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và Nhà nước cũng chưa giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 đối với hộ ông H. Nay thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ đoạn 1D đoạn từ ngã ba L đến bến xe Liên tỉnh hộ ông H bị ảnh hưởng 357,5 m² trong đó có 41,9 m² đất hộ ông H đã nhận tiền đền bù giai đoạn 1 nhưng chưa giao trả mặt bằng nên UBND thành phố Q điều chỉnh phương án bồi thường giảm 41,9 m² đất thuộc phạm vi thu hồi bồi thường trong dự án đường Q - S.

Theo Công văn số 2932/UBND-KTN ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh Bình Định thì việc áp dụng chính sách bồi thường đối với dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D được UBND thành phố Q thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.

Về đất tái định cư: Hộ ông H có 106,4 m² đất đủ điều kiện bồi thường đất ở. Theo phương án tái định cư tổng thể được áp dụng trong dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định. Khu tái định cư V, phường N, thành phố Q có diện tích từ 81 m² đến 120 m², theo quy hoạch phân lô đã được phê duyệt. Việc ông H đề nghị cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8 m ngang là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 15/4/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q có tờ trình số 167/TTR-TTPTQĐ về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất đối với hộ ông H bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba L đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định.

Trên cơ sở tờ trình nói trên, các Quyết định khác có liên quan và phần diện tích đất bị thu hồi 357,5 m² trong đó có 41,9 m² đất hộ ông H đã nhận tiền đền bù giai đoạn 1 nhưng chưa giao trả mặt bằng nên ngày 19/4/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND thành phố Q; Nội dung cụ thể như sau:

- Từ thu hồi 357,5 m²: đất ở (106,4 m²), đất nông nghiệp (251,1 m²) tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 32 thuộc phường Q1, thành phố Q của hộ ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Số 255 đường T, phường Q1, thành phố Q của hộ ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Số 255 đường T, phường Q1, thành phố Q điều chỉnh thành:

- Thu hồi 357,5 m²: đất ở (106,4 m²), đất nông nghiệp (209,2 m²) tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ 32 thuộc phường Q1, thành phố Q của hộ ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Số 255 đường T, phường Q1, thành phố Q.

Từ những căn cứ nói trên, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 và Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nói trên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Thúy H2 thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H1 là vợ ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Thúy H2 là con của ông Nguyễn Văn H. Tại bản tự khai ngày 10/11/2016 đều xác định không liên quan gì đến việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; ngoài ra, bà H1, chị H2 không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an.

Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Đề nghị hủy 3 Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định vì áp dụng pháp luật không đúng và có nội dung trái với chứng cứ thiết hại thực tế; Quyết định cưỡng chế số 2339/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của UBND thành phố Q toàn bộ diện tích đất kinh doanh sản xuất không phải là đất nông nghiệp; Việc giải

quyết khiếu nại áp dụng quyết định số 50/2012 ngày 20/12/2012 là không đúng do đã thay thế bằng quyết định số 13/2015 ngày 7/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

Ngày 11/7/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 15/2017/KN-HC-VC2 với nội dung: Ngày 28/10/2015, UBND thành phố Q đã ban hành quyết định số 7583/QĐ-UBND về việc thu hồi 357,5m², trong đó đất ở là 106,4m², đất nông nghiệp là 251,1m² nhưng Tòa án không áp dụng Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 7/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định mà áp dụng quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 đã hết hiệu lực. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 1894/QĐ-UBND ngày 5/4/2106 khẳng định: Nhà nước thu đất 357,5m² của hộ ông Nguyễn Văn H, trong đó có 41,9 m² đất đã được bồi thường năm 1998; hồ sơ thể hiện lời trình bày của UBND thành phố Q nhưng chưa có cơ sở chứng minh; Quyết định giải quyết khiếu nại 1894/QĐ-UBND ngày 5/4/2016 không đề cập giải quyết về giếng khoan máy theo đơn khiếu nại của ông H; việc xem xét bồi thường đất đủ điều kiện bồi thường đất thương mại, dịch vụ theo Quyết định số 13/2015 ngày 7/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Khi giải tỏa đền bù giai đoạn một năm 1998 gia đình Ông mới nhận giá trị bồi thường 100m² đất ở, diện tích đất còn lại bị giải tỏa chưa được bồi thường, đồng thời chưa được bồi thường một giếng khoan công nghiệp, năm 2001 bị Nhà nước cưỡng chế lấy đất 59m² và gây thiệt hại 174.000.000đ, ông có khiếu nại chưa được bồi thường; giai đoạn giải tỏa đền bù lần hai năm 2015 gia đình Ông đã làm lại giếng khoan công nghiệp mới nhưng khi giải tỏa cũng chưa được đền bù, diện tích đất bị giải tỏa là đất sản xuất kinh doanh nên được bồi thường giá đất ở nhưng UBND thành phố bồi thường đất nông nghiệp, và ông chưa nhận bồi thường tất cả giá trị tài sản giai đoạn 2 và những vấn đề đã nêu trong đơn kháng cáo; Ông đề nghị hủy ba quyết định của chủ tịch và UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định và Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định ông Nguyễn Công V- Phó chủ tịch UBND thành phố Q trình bày: UBND thành phố chưa bồi thường giếng khoan công nghiệp ở giai đoạn 2 như ông H trình bày do ông H không cung cấp các hồ sơ hoàn công khi xây lắp, đối với giếng khoan công nghiệp giai đoạn một giải tỏa năm 1998 việc đền bù do Sở xây dựng đền bù và thời gian đã lâu nên UBND thành phố không có được hồ sơ cụ thể; về đất bị thu hồi đền bù theo đất nông nghiệp là đúng vì đất ở ông H chỉ có 140m² nhưng đã được bồi thường hết; ông V đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính; về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn H mua lại của bà Lê Thị C mảnh vườn trồng hoa màu với diện tích 990m² vào ngày 9/9/1987 để lập xưởng sản xuất và sửa chữa, ngày 16/11/1987 được UBND phường Q1 xác nhận mặt bằng cơ sở xây dựng có diện tích 891m²; ông H xây dựng nhà ở sau tháng 11/1987; ngày 14/3/1994 UBND tỉnh Bình Định cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5717/CNSH cho ông Nguyễn Văn H và vợ là Nguyễn Thị H1 với diện tích nhà xác định là 140m² (nhà trệt, vách nửa, mái tôn, nền xi măng) tại tổ 15, khu vực 4, phường Q1, thành phố Q, Bình Định; Giấy chứng nhận này không ghi rõ diện tích đất ở mà chỉ xác định diện tích nhà đã xây dựng. Ngày 9/11/1989 UBND thành phố Q có quyết định số 271/QĐ-UB cho phép cơ sở Thành Lợi được phép hoạt động kinh doanh địa điểm giao dịch là số 305 đường N. Ông H đã nộp thuế nhà đất với diện tích đất 675m² từ năm 1992 theo xác nhận Chi cục thuế thành phố Q ngày 3/4/2000. UBND thành phố Q căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ngày 14/3/1994 của UBND tỉnh Bình Định để xác định diện tích đất ở của ông H 140m², diện tích đất còn lại là đất vườn; Tòa án sơ thẩm chấp nhận việc này là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 103 và khoản 4 Điều 144 Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai thì diện tích đất ở của ông Nguyễn Văn H được xác định căn cứ vào: quá trình sử dụng và mục đích sử dụng đất (vào mục đích sản xuất kinh doanh hay để ở, trồng cây lâu năm...) và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H, hạn mức đất ở tại địa bàn thành phố Q do UBND tỉnh Bình Định quy định; Tòa án chưa thu thập các văn bản của UBND tỉnh Bình Định về quy định hạn mức đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở đô thị, chưa xác định quá trình sử dụng và mục đích sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn H thông qua chính quyền địa phương đã giải quyết vụ án là chưa có cơ sở vững chắc. Kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở được chấp nhận.

[2] Đơn khiếu nại của ông H gửi UBND thành phố Q có nội dung yêu cầu bồi thường 1 giếng khoan loại khoan đập xoay tự hành động cơ diesel đường kính khoan 245mm, sâu 45m bị thiệt hại do khi thi công đường, tại Thông báo kết quả

đôi thoại UBND thành phố Q có nêu nội dung này, nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại số 1894/QĐ-UBND ngày 5/4/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Q không đề cập đến và chưa giải quyết là không giải quyết hết các nội dung khiếu nại của người khiếu nại. Mặt khác, theo trình bày của ông H tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì Giếng khoan công nghiệp đường kính 245mm, sâu 45m tại cơ sở sản xuất của ông H đã giải tỏa ở đợt I năm 1998 chưa được bồi thường; sau khi bị giải tỏa ông H tiếp tục làm lại giếng khoan mới cũng loại Giếng khoan xoay động cơ diesel 245mm, sâu 45m và bị giải tỏa đợt thứ hai năm 2015, cả hai giếng khoan điều chưa được bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện UBND thành phố Q thừa nhận có việc giải tỏa hai giếng khoan công nghiệp và điều chưa được bồi thường cho ông H, một giếng vào năm 1998, nhưng bồi thường giai đoạn một, Ủy ban nhân dân thành phố không phải là cơ quan bồi thường nên không nắm rõ; đối với giếng khoan giải tỏa lần hai năm 2015 do chưa có hồ sơ lắp đặt thi công và hồ sơ hoàn công nên không có cơ sở bồi thường. Tòa án chưa xác minh làm rõ những vấn đề về Giếng khoan công nghiệp cả hai giai đoạn giải tỏa đều có nhưng chưa được bồi thường theo xác nhận của đại diện UBND thành phố Q đã bác yêu cầu của người khởi kiện là không đúng. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về giải trình của UBND thành phố Q đối với việc ông Nguyễn Văn H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 41,9m² giải đoạn 1 của dự án đường Q- S năm 1998, nhưng hộ ông H chưa bàn giao diện tích mặt bằng là 41,9m². Để chứng minh UBND thành phố đã cung cấp biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/2/2016 (BL 230), hồ sơ kỹ thuật thửa đất giải phóng mặt bằng dự án quốc lộ 1D (BL 229). Tuy nhiên, Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/2/2016 không có đại diện chủ hộ sử dụng đất ông Nguyễn Văn H hoặc người của gia đình ông H tham gia, hồ sơ kỹ thuật thửa đất có đại diện cơ quan đo đạc và cán bộ đo đạc ký tên (không đóng dấu) cũng không có đại diện hộ gia đình ông H, các văn bản này điều là bản photocopy. Ông H không thừa nhận diện tích đã được bồi thường nhưng ông chưa bàn giao này (diện tích 41,9m²), việc giải trình chứng minh vấn đề này là của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Q; lẽ ra Tòa án có quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 88 Luật tổ tụng hành chính, để xem xét thẩm định lại trên thực tế, làm căn cứ xác định các văn bản và trình bày của UBND thành phố làm cơ sở giải quyết vụ án. Trong khi chưa xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ đã xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện là thiếu sót và không khách quan. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tòa án sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ quy định về xác minh, thu thập, tài liệu chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, chưa giải quyết hết các yêu cầu của người khởi kiện như: yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất năm 2001, ông H chưa nhận tiền đền bù khi bị thu

hồi đất năm 1998, giếng khoan công nghiệp năm 1998 và 2015 (chỉ nêu yêu cầu của người khởi kiện nhưng không giải quyết); Tòa án phúc thẩm không bổ sung và khắc phục được những thiếu sót trên. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử khiếu kiện hành chính: “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H với người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm Ông Nguyễn Văn H không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là: 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 08027 ngày 29/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn